

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HSST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH L
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Bà Đặng Thị Tố Nga.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đỗ Văn Bình
Ông Ngô Xuân Hùng
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Trịnh Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh L.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/HSST ngày 14/9/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/HSST - QĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. LƯƠNG VĂN O, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1964 Tại huyện Q, tỉnh S. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh S; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Lương Văn K, sinh năm 1934 và bà Lò Thị X, sinh năm 1950, trú tại: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh S; có vợ là L, sinh năm 1962 (đang ly thân) trú tại: Xã C, huyện M, tỉnh S; bị cáo có 05 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/6/2017, tạm giam ngày 06/6/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay (Có mặt).

2. LÒ VĂN Y, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1977 Tại huyện Q, tỉnh S; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh S; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Lò Văn H, sinh năm 1955 và bà Lò Thị K, sinh năm 1957, trú tại: Bản T, xã M, huyện Q, tỉnh S; có vợ là Lò Thị S, sinh năm 1981, trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh S; bị cáo có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/6/2017, tạm giam ngày 06/6/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay (Có mặt).

3. LÒ VĂN H, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1976 Tại huyện Q, tỉnh S; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh S; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Lò Văn D và bà Lò Thị K (đều đã chết), bị cáo có vợ là Lò Thị N, sinh năm 1979, trú tại: Bản C, xã C huyện Q,

tỉnh S; bị cáo có 04 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/6/2017, tạm giam ngày 06/6/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay (Có mặt).

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1, Lò Thị S, sinh năm 1981, Trú quán: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh S (có mặt).

2, Lò Văn T, sinh năm 1970, Trú quán: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh S (có mặt).

+ Người bào chữa cho các bị cáo bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trước ngày bị bắt khoảng một tuần Lò Văn H đến nhà ông T ở bản C xã C huyện S chơi. Qua trò chuyện T nói với H là muốn mua Hêrôin loại chuẩn giá 20.000.000 đồng/01 cây. Hiện hẹn khi nào có Hêrôin sẽ đem sang bán cho T, hai ngày sau H đến nhà Lương Văn O (em họ) và nói cho O biết ý định của T nhưng không biết chỗ mua và bảo O đi gặp Lò Văn Y để Y và O đi tìm chỗ mua rồi H sẽ dẫn đi bán Hêrôin cho T được lời thì chia nhau, H còn cho O số điện thoại của T để liên lạc.

Khoảng 16 giờ ngày 01/6/2017 O đến nhà Y và hai người thoả thuận góp tiền mua 02 cây Hêrôin, O góp 5.000.000 đồng, Y góp 27.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 02/6/2017 Y lấy xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS 26 B1 – 591.28 chở O đến huyện T, tỉnh Đ tìm mua Hêrôin. Khoảng 14 giờ đến huyện T hai người vào bản người Thái cách thị trấn 5 km, tại đây Y gặp một người đi đường và hỏi có biết chỗ nào bán Hêrôin không, người đó chỉ vào một ngôi nhà gần đó, O và Y đi đến gần cổng nhà đó thì Y bảo O đứng ngoài đợi, O đưa cho Y 5.000.000 đồng, Y cầm tiền của O rồi một mình đi vào trong nhà gặp một người phụ nữ tên P, qua trao đổi Y đã mua 02 cây Hêrôin giá 32.000.000 đồng, sau khi mua được Hêrôin Y đưa gói Hêrôin cho O, O cho Hêrôin vào túi áo đang mặc trên người rồi cùng Y đi về, trên đường về O lấy điện thoại của Y gọi điện báo cho H biết đã mua được Hêrôin và hẹn gặp nhau lúc 22 giờ tại nhà O. Như đã hẹn H sang nhà O, O lấy gói Hêrôin cho H và Y xem rồi lại cất giấu vào trong túi áo, cả ba người thống nhất 06 giờ ngày 03/6/2017 đem Hêrôin sang huyện S bán cho T.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 03/6/2017 H sang nhà anh rể là Lò Văn T mượn xe máy BKS 31- 994 U7 nói là đi chở thóc, khi về đến nhà thì gặp U (em họ), U hỏi đi đâu H nói lên đầu Sông Đà chơi, U xin đi cùng. Khoảng 06 giờ ngày 03/6/2017 Y đi xe máy BKS 26B1 – 591.28 của gia đình chở O đến nhà H để đi bán Hêrôin, còn H chở U (U không biết việc đi bán Hêrôin). Khoảng 07 giờ sáng ngày 03/6/2017 thì đến bản C, xã N, huyện S, tỉnh L thì bị Công an tỉnh L yêu cầu dừng xe để kiểm tra phát hiện trong túi áo khoác trên người **Lương Văn O** có 01 gói được gói bằng 03 lớp ni lon, bên trong có các cục chất bột khô, màu trắng, O khai đó là Hêrôin của O và Y cùng góp tiền mua để H dẫn đi bán kiếm lời. Hành vi của O đã bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, các bị cáo đã bị bắt giữ.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định ngày 03/6/2017 của Công an tỉnh L kết quả: 01 gói bột khô nghi Hêrôin thu giữ của **Lương Văn O** có trọng lượng 70,19 gam, trích 0,97 gam để làm mẫu giám định, còn lại 69,22

gam. Tại kết luận giám định số: 207/GĐMT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Mẫu chất bột khô, vón cục, màu trắng thu giữ của **Lường Văn O** gửi đến giám định là Hêrôin.

Bản cáo trạng số: 23/KSĐT – MT, ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L truy tố các bị cáo Lường Văn O, Lò Văn Y, Lò Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194/Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lường Văn O, Lò Văn Y, Lò Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, các bị cáo đều khai do muốn hám lời bằng con đường phi pháp nên cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép 70,19 gam Hêrôin, mục đích để bán lấy tiền chia nhau. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội: Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 3 điều 194/Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 194/Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 194, Điều 20, Điều 53, Điểm p, khoản 1, khoản 2 điều 46/ Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Lường Văn O từ 17 năm đến 18 năm tù, Lò Văn Y từ 17 năm đến 18 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 194, Điều 20, Điều 53, Điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46/ Bộ luật hình sự, điểm x khoản 1 điều 51/Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 xử phạt bị cáo Lò Văn H 16 năm đến 17 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 41/ Bộ luật hình sự, điều 76/ Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 69, 22 gam Hêrôin để tiêu hủy. Trả cho bị cáo Lường Văn O 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lường Văn O và số tiền 600.000 đồng; Trả cho gia đình bị cáo Lò Văn Y 01 xe một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE và Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 063401 mang tên Lò Văn Y; trả cho bị cáo một giấy phép lái xe số 140082004997 mang tên Lò Văn Y. Trả 01 xe mô tô nhãn hiệu WIN màu đen; BKS 31 – 994 U7 số khung MH1HA000SSK130745; số máy HAE – 2230497 cho anh Lò Văn T. Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh, mặt màu đen, số IMEL 353687/07/311119/4 của Lò Văn Y để xung công quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, nhưng cho rằng hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo đó là: Các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, không được đi học, không biết chữ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế dẫn đến phạm tội, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, đề nghị áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 194, Điều 20, Điều 53, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46/ Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Lường Văn O, Lò Văn Y mức hình phạt thấp nhất. Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 194, Điều 20, Điều 53, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47/ Bộ luật hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017 xử phạt

bị cáo Lò Văn H mức án dưới khung hình phạt. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 41/ Bộ luật hình sự, điều 76/ Bộ luật tố tụng hình sự: Trả cho bị cáo Lò Văn Y 01 xe một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE; BKS 26 B1 – 591.28; một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 063401; một giấy phép lái xe số 140082004997 đều mang tên Lò Văn Y. Trả cho Lương Văn O một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Văn O và 600.000 đồng. Trả cho anh Lò Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu WIN màu đen; BKS 31 – 994 U7.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội cải tạo và sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà các bị cáo Lương Văn O, Lò Văn Y, Lò Văn H đều khai nhận hành vi rủ nhau đi tìm mua Hêrôin để bán lấy tiền chia nhau và có thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy cụ thể là: Sau khi Lò Văn H nghe người tên T đặt vấn đề mua 01 cây Hêrôin, H về gặp và nói với Lò Văn O bảo O rủ Lò Văn Y đi tìm mua được Hêrôin thì H sẽ đưa đến bán cho T để lấy tiền chia nhau. Để thực hiện được mục đích trên, các bị cáo Lò Văn O và Lò Văn Y đã cùng nhau góp tiền mua Hêrôin (O góp 5.000.000 đ, Y góp 27.000.000 đồng) tổng cộng 32.000.000 đồng và cùng nhau đi mua được 02 cây Hêrôin của một người phụ nữ tên P. Sau khi mua được 02 cây Hêrôin Lò Văn Y đã gọi điện báo cho H biết và cùng hẹn nhau vào ngày 03/6/2017 đem Hêrôin đến huyện S bán cho T, đúng hẹn cả ba bị cáo cùng nhau đi huyện S trên đường đi đến bản N xã N, huyện S thì bị Công an tỉnh L bắt giữ cùng vật chứng.

Kết quả cân tịnh trọng lượng 70,19 gam giám định là Hêrôin. Do đó, các bị cáo đã phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm b khoản 3 điều 194/BLHS, điểm b khoản 3 điều 194/BLHS quy định: *“Hêrôin có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam và có khung hình phạt từ mười năm năm đến hai mươi năm tù”*. Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên toà công khai một cách khách quan, toàn diện và thống nhất. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 điều 194/ Bộ luật hình sự là có căn cứ, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình theo quy định của Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, xét về vai trò của các bị cáo thấy: Bị cáo H là người khởi xướng việc tìm mua Hêrôin để bán cho người tên T, đồng thời nói rõ khi mua được Hêrôin sẽ dẫn đến bán cho T lấy tiền chia nhau, bị cáo đã tạo động lực cho O và Y thực hiện đặc lực việc mua bán Hêrôin, sau khi biết đã mua được Hêrôin bị cáo đã cùng đồng bọn đi bán thì bị phát hiện, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi của mình. Đối với bị cáo Lò Văn O sau khi nghe Hien nói T đặt mua Hêrôin, bị cáo đã tích cực rủ Lò Văn Y góp tiền mua Hêrôin, bị cáo góp 5.0000.000 đồng và cùng Y đi mua được 02 cây Hêrôin và mang đi bán, hành vi của bị cáo thực hiện đặc lực và tích cực, nên phải chịu về hành vi phạm tội. Bị cáo Lò Văn Y đã góp 27.000.000 đồng, trực tiếp mua Hêrôin, cùng đồng bọn đi bán, trên đường đi bán Hêrôin thì bị bắt, do đó bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Xét tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, ảnh hưởng đến trật tự, trị an trên địa bàn tỉnh L, hành vi đó đã tiếp tay cho kẻ khác mua bán ma túy trái phép, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, các bị cáo nhận thức được điều đó nhưng do muốn hám lời nên cố ý phạm tội. Do đó, cần phải có mức án cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để có thời gian cải tạo thành công dân tốt.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội và đều là dân tộc thiểu số, không được đi học, không biết chữ, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế, điều kiện hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn. Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do vậy, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46/Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lò Văn H có bố là Lò Văn D có công với Nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x điều 51/ Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 điều 7- Bộ luật Hình sự 2015.

Về nguồn gốc số Hêrôin theo bị cáo Lò Văn Y khai mua của người phụ nữ tên là P ở huyện T, tỉnh Đ nhưng không biết rõ nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xử lý. Đối với Lương Văn U là người đi cùng Lò Văn H nhưng không biết việc H đi bán Hêrôin nên không phạm tội. Đối với người tên T theo H khai người đó đặt mua Hêrôin, cơ quan điều tra đã xác minh tại bản C, xã C huyện S nhưng không có đối tượng nào giống như lời khai của bị cáo H nên không có cơ sở xử lý.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 194/Bộ luật hình sự. *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”* do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều cho thấy: Các bị cáo nghề nghiệp đều làm ruộng, điều kiện kinh tế

khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của Lương Văn O 70,19 gam Hêrôin, đã trích gửi giám định 0,97 gam, số Hêrôin còn lại sau giám định 69,22 gam đây là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Thu của bị cáo Lò Văn Y một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu vàng – nâu – đen; BKS 26 B1 – 591.28, số khung RLHJC5233CY011158; số máy JC52E-5208945 là tài sản của gia đình bị cáo, khi lấy xe đi mua bán Hêrôin thì vợ bị cáo là chị Lò Thị S không biết, ngày 30/8/2017 chị S có đơn xin lại chiếc xe vì đó là tài sản chung của gia đình. Xét thấy chiếc xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện đi lại để mua bán Hêrôin đáng ra phải tịch thu xung công quỹ nhà nước, nhưng tại phiên toà chị S trình bày do bán ngô của gia đình có tiền mua xe, đề nghị xin lại chiếc xe để làm phương tiện cho gia đình, do đó cần trả cho gia đình bị cáo.

Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA có vỏ màu xanh, mặt màu đen, số IMEL 353687/07/311119/4, xét thấy đây là điện thoại của bị cáo Y, O đã dùng gọi điện cho H báo đã mua được Hêrôin, cần tịch thu hoá giá sung công quỹ nhà nước.

Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 063401 mang tên Lò Văn Y; một giấy phép lái xe số 140082004997 mang tên Lò Văn Y cần trả cho bị cáo.

Một xe mô tô nhãn hiệu WIN màu đen; BKS 31 – 994 U7 số khung MH1HA000SSK130745; số máy HAE – 2230497 thu giữ của Lò Văn H do mượn của ông Lò Văn T, khi mượn xe Hiện nói đi chở thóc nên ông T không biết việc bị cáo dùng vào việc phạm tội, ông T có đơn xin lại chiếc xe trên nên cần trả cho ông Lò Văn T.

Số tiền 600.000 đồng thu giữ của Lương Văn O, bị cáo khai tiền của gia đình do bán dê, lợn là tài sản chung và Một giấy CMND số 050884783 mang tên Lương Văn O là giấy tờ tùy thân cần trả lại cho bị cáo Lương Văn O. *(Hiện vật chứng trên đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).*

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Văn O, Lò Văn Y, Lò Văn H - Phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, 2 Điều 46/ Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn O 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2017.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn Y 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2017.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/ Bộ luật hình sự. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 điều 7 - Bộ luật Hình sự; Điểm x khoản 1 điều 51- Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2017.

3. Áp dụng điều 41/Bộ luật hình sự và Điều 76/Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 69,22 gam Hêrôin còn lại sau giám định.

Trả cho gia đình bị cáo Lò Văn Y, đại diện là bà Lò Thị S trú quán: Bản P xã C, huyện Q, tỉnh S: Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu vàng - nâu - đen; BKS26 B1-591.28, số khung RLHJC5233CY011158; số máy JC52E- 5208945; một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 063401 mang tên Lò Văn Y;

Trả cho bị cáo Lò Văn Y một giấy phép lái xe số 140082004997 mang tên Lò Văn Y.

Trả cho bị cáo Lò Văn O số tiền 600.000 đồng; Một giấy CMND số 050884783 mang tên Lường Văn O.

Trả cho ông Lò Văn T trú quán: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh S: Một xe mô tô nhãn hiệu WIN màu đen; BKS 31-994 U7 số khung MH1HA000SSK130745; số máy HAE - 2230497.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Một chiếc điện thoại di động của Lò Văn Y nhãn hiệu NOKIA có vỏ màu xanh, mặt màu đen, số IMEL 353687/07/311119/4 máy đã qua sử dụng.

4. Áp dụng điều 99/Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Lường Văn O, Lò Văn Y, Lò Văn H mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSND tỉnh
- Cục THADS tỉnh;
- Trại giam CA tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các bị cáo,
- Người có QLNVLQ
- Người bào chữa
- Lưu Hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tố Nga

